TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa đô, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại:(024) 38360289 Fax: (024) 38361199
Email: thitruong@quatest1.com.vn

HỒ SƠ NĂNG LỰC
PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÀNG TIÊU DÙNG

Quatest 1

DANH MỤC HỒ SƠ

1. GIỚI THIỆU CHUNG

- Giới thiệu Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1
- Sơ đồ tổ chức Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1
- Giới thiệu chung phòng thử nghiệm Hàng tiêu dùng

2. TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

- Quyết định thành lập
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tổ chức khoa học và công nghệ
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học Công nghệ
- Quyết định Ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

3. NĂNG LỰC

- Quyết định, chỉ định các Bộ, các ngành
- Chứng chỉ công nhận
- Danh sách nhân sự
- Danh mục một số trang thiết bị chính
- Danh sách một số công trình đã thực hiện

Quatest 1
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
****

GIỚI THIỆU CHUNG

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Trụ sở chính: Nhà E, Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024.38360289 – **Fax:** 024.38361199
Cơ sở Nam Thăng Long: Lô B2-3-6a Khu công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 024.32191002 – **Fax:** 024 32191001
Website: www.quatest1.com.vn - **Email:** thitruong@quatest1.com.vn

GIỚI THIỆU CHUNG

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (QUATEST1) được thành lập theo Quyết định số 1273/QĐ-TĐC, ngày 05 tháng 11 năm 1994 của Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ). Bộ máy tổ chức và lĩnh vực hoạt động được quy định trong "Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1", ban hành kèm theo Quyết định số 683/QĐ - TĐC, ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 là tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng phục vụ công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các hoạt động dịch vụ khác theo yêu cầu của các tổ chức cá nhân.

Các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1:

- Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan tới lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và tiến hành các hoạt động đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực: Giám định, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình theo yêu cầu hoặc chỉ định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Cung cấp các dịch vụ về lĩnh vực đo lường, thử nghiệm, giám định, chứng nhận, bảo trì và sửa chữa các phương tiện đo theo yêu cầu của các cơ quan, doanh nghiệm, các tổ chức và cá nhân.

- Thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn, kiểm tra, đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức thử nghiệm chất lượng, vệ sinh, an toàn các sản phẩm, hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, công trình.

- Tổ chức thực hiện việc khảo sát, quan trắc, thử nghiệm, đánh giá tác động và thực trang môi trường.

- Tiến hành giám định sản phẩm hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, dây chuyền sản xuất, chuyển giao công nghệ và chất lượng công trình xây dựng.

- Tổ chức kiểm định an toàn công nghiệp; các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu về an toàn.

- Thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học công nghệ, chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, kiến thức về hệ thống quản lý chất lượng cho cán bộ, viên chức của Trung tâm và theo yêu cầu của các tổ chức cá nhân.

- Tư vấn giám sát và đánh giá chất lượng công trình, giám sát lắp đặt, chế tạo thiết bị.

- Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, tư vấn đổi mới công nghệ. Tổ chức, nghiên cứu triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

- Đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Thực hiện các hoạt động dịch vụ về đánh giá quy trình hàn, quy trình kiểm tra không phá hủy (NDT), kỹ năng thợ hàn theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

- Thực hiện các hoạt động tư vấn dịch vụ tư vấn quản lý dự án, đấu thầu, xây dựng các giải pháp kỹ thuật, lập các dự án đầu tư và trang thiết bị phòng thử nghiệm, đo lường theo quy định của pháp luật.

- Bảo trì, sửa chữa, chế tạo, lắp đặt, cung ứng thiết bị thử nghiệm và các thiết bị kỹ thuật khác.

- Tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quy định của pháp luật.

- Tham gia đấu thầu, ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

CAM KẾT

Tất cả các hoạt động dịch vụ của Quatest 1 chỉ hoàn thành khi khách hàng nhận được chứng chỉ hoặc chứng nhận tương đương.

Để nâng cao chất lượng phục vụ, thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 thường xuyên tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị hiện đại, coi trọng việc đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên. Đồng thời Trung tâm luôn duy trì và cải tiến Hệ thống Quản lý Chất lượng theo ISO/IEC 17025, ISO/IEC 17020, ISO/IEC 17021, ISO/IEC 17065.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT 1

Quatest 1

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

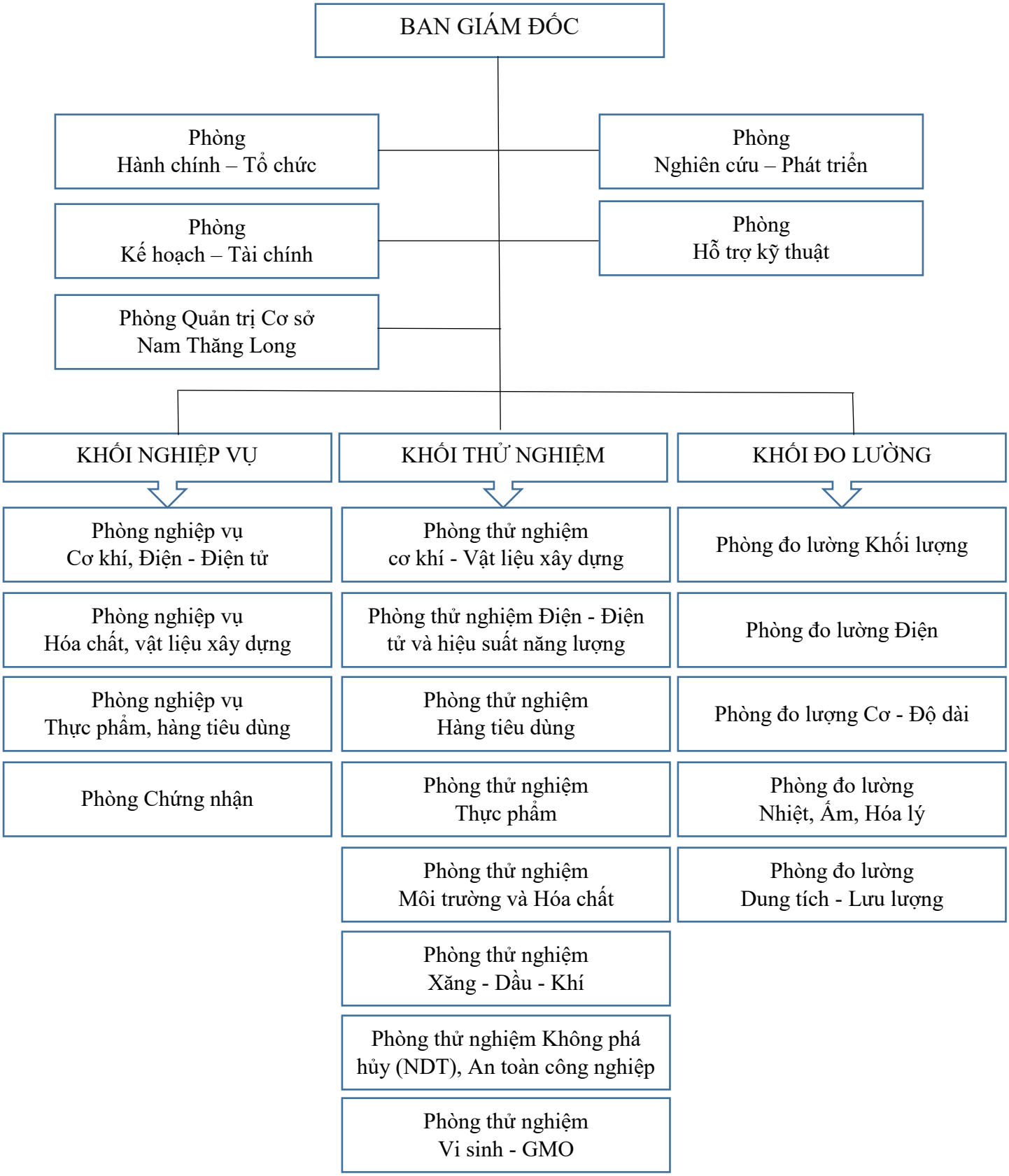

Phòng thử nghiệm Hàng tiêu dùng

Phòng thử nghiệm hàng tiêu dùng thuộc Trung tâm Kỹ thuật 1 có khả năng thử nghiệm các sản phẩm hàng hóa: Dệt, da, may mặc, vải giả da, vải tráng phủ, vải kỹ thuật; Giấy các loại, bìa cactông; Cao su chất dẻo; Sơn, keo, vecni; Mũ bảo hiểm và đồ chơi trẻ em.

Các lĩnh vực hoạt động: Thử nghiệm các sản phẩm, hàng hóa

- Dệt - May mặc: Thành phần nguyên liệu; Độ bền kéo đứt; Độ săn của sợi; Chi số sợi; Độ vón gút; Độ thoáng khí; Độ truyền nhiệt; Độ bền mài mòn; Độ bền màu dưới tác dụng của ánh sáng nhân tạo đèn thủy ngân cao áp; Độ bền màu giặt, nước, ma sát, mồ hôi; Độ thay đổi kích thước sau khi giặt; Độ thấm nước dưới áp suất; PH của dung dịch chiết...
- Da: Hàm lượng chất béo; Hàm lượng Cr_2O_3; Độ ẩm; Độ bền kéo; Độ bền xé...
- Giấy (Giấy viết, giấy in, giấy vệ sinh, khăn giấy), bìa thông dụng và cactông sóng: Độ ẩm; Độ kháng xé; Độ thấm nước; PH của dung dịch chiết từ giấy; Độ bục; Độ bền kéo; Độ cứng của lớp cactông; Độ trắng; Độ thấu khí; Độ nén sập của hộp cactông...
- Cao su chất dẻo: Các loại sản phẩm tiêu dùng bằng cao su (săm lốp xe đạp, xe máy, ô tô, găng tay, giầy dép, gioăng, đệm tà vẹt) và bằng nhựa (ống nước, PVC, PPR, PE,bao bì PVC, PE...): Thử kéo đứt; Độ bền đứt mối nối săm; Độ cứng Shore; Thử mài mòn Akron, EPGi; Độ trương nở cao su; Độ bền va đập charpy, Izod; Tỷ trọng; Độ chịu áp lực của ống; Thử lão hóa...
- Sơn (Sơn tường, Sơn ankyl, Sơn 2 thành phần), Keo, Vecni: Độ nhớt; Hàm lượng chất không bay hơi; Độ mịn; Độ bền kiềm, nước; Độ phủ; Độ bền uốn Độ bền va đập; Độ cứng; Độ bám dính...
- Mũ bảo hiểm: Độ bền va đập và hấp thụ xung động; Độ bền đâm xuyên; Độ bền quai đeo; Độ ổn định của mũ; Độ truyền sáng của kính; Đo góc nhìn
- An toàn đồ chơi trẻ em

Quatest 1

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
****

TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG *** Số: 1273 /QĐ-TĐC	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ——oOo—— *Hà nội ngày 05 tháng 11 năm 1994*

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
V/v thành lập Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng 1

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 15-CP ngày 02/03/1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 22-CP ngày 22/05/1993 về nhiệm cụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

- Xét đề nghị của các ông Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức và Cán bộ khoa học;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng 1 (gọi tắt là Trung tâm Kỹ thuật 1) trên cơ sở các phòng Thử nghiệm, các phòng Đo lường và các phòng Nghiệp vụ của Trung tâm Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng khu vực 1. Trụ sở đặt tại thành phố Hà nội.

Điều 2: Trung tâm Kỹ thuật 1 là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng và có con dấu để giao dịch công tác.

Điều 3: Trung tâm Kỹ thuật 1 có nhiệm vụ chính sau đây :

1. Tiến hành thử nghiệm, thẩm định, đánh giá, giám định chất lượng hàng hoá và đo lường phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cũng như các yêu cầu quản lý nhà nước của các cơ quan Hải quan, Môi trường, Quản lý thị trường, Công nghệ, Tư pháp... Ngoài ra được phép khai thác năng lực đo lường, thử nghiệm để phục vụ các yêu cầu của các cơ sở sản xuất, kinh doanh.
2. Bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường và tiến hành kiểm định chuẩn theo phân cấp của Tổng cục đối với Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh...
3. Tham gia xây dựng Tiêu chuẩn Việt nam (TCVN), tiêu chuẩn Quốc tế.
4. Tổ chức công tác thông tin, đào tạo, hợp tác Quốc tế trên địa bàn theo sự phân công của Tổng cục.

5. Quản lý cán bộ, tài sản theo quy định.

Điều 4: Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng có trách nhiệm xây dựng Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật 1 để trình Bộ ký duyệt và ban hành.

Điều 5: Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 6: Các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ khoa học, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận
- Tổng cục TCĐLCL
- VP Bộ
- Vụ TCCBKH

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Đặng Hữu

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Mã số: 0100111602

Đăng ký lần đầu, ngày 10 tháng 04 năm 2008
Đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 05 tháng 11 năm 2018

1. Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Tên tổ chức khoa học và công nghệ viết bằng tiếng Việt:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Tên tổ chức khoa học và công nghệ viết bằng tiếng nước ngoài: QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 1

Tên tổ chức khoa học và công nghệ viết tắt: QUATEST1

2. Địa chỉ trụ sở chính: *Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: *024.38361399* Fax: *024.38361399*

Email: *hanhchinh@quatest1.com.vn* Website: *www.quatest1.com.vn*

3. Ngành, nghề kinh doanh:

Số TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Chi tiết: - Kiểm tra, thử nghiệm và đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ theo chỉ định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền; - Kiểm định phương tiện đo trong phạm vi được công nhận; - Hiệu chuẩn, kiểm tra và đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo; - Chứng nhận sản phẩm, dịch vụ phù hợp tiêu chuẩn và các quy chuẩn kỹ thuật; - Thử nghiệm, đánh giá, thẩm định chất lượng, kỹ thuật, vệ sinh, an toàn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, vật liệu, cấu kiện, dự án và công trình theo yêu cầu của các cơ quan quản	7120

Số TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
	lý, các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân; - Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng hàng hóa, công trình phù hợp tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; - Đánh giá quy trình hàn, quy trình kiểm tra hàn không phá hủy (NDT), kỹ năng thợ hàn; - Kiểm tra an toàn công nghiệp, các loại máy, thiết bị,vật tư có yêu cầu về an toàn;	
2.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: - Giám định thương mại - Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, chuyển giao công nghệ và an toàn công nghiệp, tư vấn và đánh giá chất lượng công trình xây dựng theo quy định: quan trắc, đánh giá tác động và thực trạng môi trường;	7490
3.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học: Chi tiết: Cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng và sữa chữa các phương tiện đo, thiết bị thử nghiệm, thiết bị kỹ thuật	3313
4.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Chi tiết: Nghiên cứu, chế tạo và cung cấp các chuẩn đo lường, mẫu chuẩn và các phương tiện đo Tổ chức thực hiện, nghiên cứu triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ	7210
5.	Giáo dục nghề nghiệp: Chi tiết: Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn kỹ thuật về chất lượng, đo lường, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, các hệ thống quản lý, công cụ quản lý chất lượng và các nội dung có liên quan khác (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép)	8532

4. Tổng giá trị tài sản được giao quản lý và sử dụng tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp: ***24.486.372.888 đồng***

Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm tám mươi tám đồng.

5. Tên cơ quan chủ quản: TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

6. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức khoa học và công nghệ:

Chức danh: *Giám đốc*

Họ và tên: KIM ĐỨC THỤ Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *10/05/1966* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Căn cước công dân*

Số: *026066002265* Ngày cấp: *13/8/2018*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng 501-B3, TT Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 501-B3, TT Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội.*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Thị Kim Tuyến

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Tổ chức khoa học và công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xoá nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Nghiêm cấm cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

4. Làm thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ khi có thay đổi, bổ sung một trong các thông tin ghi trong Giấy chứng nhận.

5. Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định khi bị mất hoặc rách, nát.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đăng ký lần đầu, ngày 07/9/1995 (số đăng ký: 417)
Đăng ký lần thứ hai, ngày 03/5/2006 (số đăng ký: A-502)

Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

Tên viết tắt bằng tiếng Việt:

Trung tâm Kỹ thuật 1

Tên viết bằng tiếng nước ngoài:

Quality Assurance and Testing Center 1

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: QUATEST 1

Trụ sở chính:

Số 8, Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

Tổng số vốn đăng ký: 6.863.898.293 đồng

Quyết định thành lập số: 1373/QĐ
ngày 05 tháng 11 năm 1994

Cơ quan quyết định thành lập:

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
(nay là Bộ Khoa học và Công nghệ)

Cơ quan quản lý trực tiếp:

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

SỐ ĐĂNG KÝ : A - 502

Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ:

- Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; Tham gia xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; Thực hiện các chương trình, đề tài theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm.
- Chế tạo và cung cấp các chuẩn đo lường, mẫu chuẩn và phương tiện đo.
- Dịch vụ KH&CN: Đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực giám định, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ và quá trình; Kiểm định, hiệu chuẩn, kiểm tra, đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo; Thử nghiệm chất lượng, vệ sinh, an toàn các sản phẩm, hàng hoá, vật liệu, cấu kiện, công trình; Khảo sát, quan trắc, thử nghiệm, đánh giá tác động và thực trạng môi trường; Giám định sản phẩm hàng hoá, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, dây chuyền sản xuất, chuyển giao công nghệ và chất lượng công trình xây dựng; Kiểm định an toàn công nghiệp, các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu về an toàn; Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, kiến thức về hệ thống quản lý chất lượng; Tư vấn giám sát và đánh giá chất lượng công trình, giám sát lắp đặt, chế tạo thiết bị; Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, tư vấn đổi mới công nghệ; Đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, chứng nhận sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, công trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Đánh giá quy trình hàn, quy trình kiểm tra không phá hủy, kỹ năng thợ hàn; Tư vấn quản lý dự án, đấu thầu, xây dựng các giải pháp kỹ thuật, lập các dự án đầu tư và trang thiết bị phòng thử nghiệm, đo lường; Bảo trì, sửa chữa, chế tạo, lắp đặt, cung ứng thiết bị thử nghiệm và các thiết bị kỹ thuật khác trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

(Đối với những lĩnh vực hoạt động có điều kiện theo quy định của pháp luật, trước khi thực hiện phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2010

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Quân

NCPT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUNG TÂM KỸ THUẬT 1
C.V. Số: 699
ĐẾN Ngày: 04/6/19
Chuyển: BGĐ
HCC, ICHTC, NCPT

Số: 683 /QĐ - TĐC

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1373/QĐ-TĐC ngày 27 tháng 6 năm 2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN để b/cáo;
- Lưu VT, TCCB.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Trần Văn Vinh

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 615/QĐ-TĐC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

Chương I
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (sau đây gọi tắt là Trung tâm Kỹ thuật 1) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây gọi tắt là Tổng cục) có chức năng nghiên cứu, ứng dụng khoa học và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng phục vụ quản lý nhà nước và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm Kỹ thuật 1 có tên giao dịch quốc tế là Quality Assurance and Testing Center 1 (viết tắt là QUATEST1).

3. Trung tâm Kỹ thuật 1 có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản tại kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật. Trung tâm Kỹ thuật 1 có trụ sở chính tại Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển và hoạt động dài hạn, ngắn hạn, hàng năm của Trung tâm Kỹ thuật 1.

2. Đề xuất, tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản kỹ thuật liên quan; phối hợp thực hiện chức năng phục vụ quản lý nhà nước trong hoạt động thanh tra, kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan tới lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và tiến hành các hoạt động đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực: Chứng nhận, giám định, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình... theo yêu cầu hoặc chỉ định của các tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Nghiên cứu triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, xây dựng và triển khai các phương pháp, quy trình: thử nghiệm, hiệu chuẩn, kiểm định, giám định, phương pháp đánh giá chất lượng sản phẩm hàng hóa, đánh giá

thử nghiệm thành thạo và so sánh liên phòng đối với hoạt động thử nghiệm, hiệu chuẩn.

5. Nghiên cứu, chế tạo và cung cấp các chuẩn đo lường, mẫu chuẩn, mẫu thử, phương tiện đo, trang thiết bị đo lường, thử nghiệm,...thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, theo quy định của pháp luật.

6. Cung cấp các dịch vụ:

6.1 Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, phê duyệt mẫu phương tiện đo, kiểm tra, đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo, theo quy định của pháp luật;

6.2. Thử nghiệm đánh giá chất lượng, an toàn sản phẩm, hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, công trình, hiệu suất năng lượng, sản phẩm biến đổi gen và vệ sinh an toàn thực phẩm. Khảo sát, quan trắc, thử nghiệm, đánh giá tác động và thực trạng môi trường;

6.3. Giám định sản phẩm hàng hoá, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, dây chuyền công nghệ sản xuất, chất lượng công trình. Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, tư vấn xây dựng các giải pháp kỹ thuật, đổi mới công nghệ;

6.4. Đánh giá chứng nhận các Hệ thống quản lý, chứng nhận sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

6.5. Đánh giá quy trình hàn, kỹ năng thợ hàn theo tiêu chuẩn Việt Nam và Quốc tế

6.6. Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động: Các loại máy, thiết bị, hệ thống thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; kiểm định chất lượng công trình xây dựng; lắp đặt dây chuyền, công nghệ.

6.7. Bảo trì, sửa chữa, chế tạo, lắp đặt, giám sát lắp đặt, cung ứng thiết bị, chuyển giao công nghệ. Tư vấn lập các dự án đầu tư trang thiết bị phòng thử nghiệm, đo lường theo quy định của pháp luật;

7. Phối hợp với Cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa để cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng phục vụ quản lý nhà nước theo yêu cầu của Tổng cục trưởng.

8. Tham gia đấu thầu, ký kết và thực hiện các hợp đồng dịch vụ trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực kỹ thuật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hướng dẫn thực tập sinh theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân.

10. Hợp tác với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước về các nội dung liên quan đến hoạt động của Trung tâm theo quy định của Tổng cục và của pháp luật;

11. Quản lý công chức, viên chức, người lao động, hồ sơ, tài chính, tài sản và tài liệu của Trung tâm theo phân cấp và theo quy định của pháp luật;

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng cục trưởng giao.

Chương II

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 3. Lãnh đạo Trung tâm Kỹ thuật 1

1. Trung tâm Kỹ thuật 1 gồm Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

2. Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 do Tổng cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm và chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật về toàn bộ tổ chức hoạt động của Trung tâm.

3. Các Phó Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 thực hiện nhiệm vụ chuyên môn giúp Giám đốc phụ trách một số công việc theo phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về những nhiệm vụ được phân công. Phó Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 do Tổng cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc.

4. Trong trường hợp Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật 1, chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật về việc điều hành của mình, sau đó báo cáo Giám đốc.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Hành chính - Tổ chức.
2. Phòng Quản trị cơ sở Nam Thăng Long.
3. Phòng Kế hoạch - Tài chính.
4. Phòng Hỗ trợ kỹ thuật.
5. Phòng Nghiên cứu và Phát triển.
6. Phòng Nghiệp vụ Cơ khí, Điện, Điện tử (gọi tắt là phòng Nghiệp vụ 1).
7. Phòng Nghiệp vụ Hoá chất, Vật liệu xây dựng (gọi tắt là phòng Nghiệp vụ 2).
8. Phòng nghiệp vụ Thực phẩm, Hàng tiêu dùng (gọi tắt là phòng Nghiệp vụ 3).
9. Phòng Chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy (gọi tắt là phòng Chứng nhận).
10. Phòng Thử nghiệm Cơ khí và Vật liệu xây dựng (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 1).
11. Phòng Thử nghiệm Điện, Điện tử, Hiệu suất năng lượng (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 2).
12. Phòng Thử nghiệm Hàng tiêu dùng (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 3).
13. Phòng Thử nghiệm Thực phẩm (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 4).
14. Phòng Thử nghiệm Môi trường và Hoá chất (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 5).
15. Phòng Thử nghiệm Xăng, Dầu, Khí (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 6).

16. Phòng Thử nghiệm Không phá huỷ và An toàn công nghiệp (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 7).

17. Phòng Thử nghiệm Vi sinh và GMO (gọi tắt là phòng Thử nghiệm 8).

18. Phòng Đo lường Khối lượng (gọi tắt là phòng Đo lường 1).

19. Phòng Đo lường Điện (gọi tắt là phòng Đo lường 2).

20. Phòng Đo lường Cơ và Độ dài (gọi tắt là phòng Đo lường 3).

21. Phòng Đo lường Nhiệt, Âm, Hóa lý (gọi tắt là phòng Đo lường 4).

22. Phòng Đo lường Dung tích - Lưu lượng (gọi tắt là phòng Đo lường 5).

Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 được thành lập Hội đồng Khoa học để tư vấn cho Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo của Trung tâm. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học do Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 quy định.

Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 có trách nhiệm quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Trung tâm. Việc thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc Trung tâm do Tổng cục Trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng, cấp phó các đơn vị thuộc Trung tâm theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Tổng cục và quy định của pháp luật.

Điều 5. Nhân lực của Trung tâm

1. Công chức, viên chức;

2. Lao động hợp đồng.

3. Cộng tác viên.

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Trung tâm Kỹ thuật 1 làm việc theo chế độ thủ trưởng.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Trung tâm chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

3. Trung tâm Kỹ thuật 1 thực hiện chế độ làm việc, quan hệ công tác với các đơn vị thuộc Tổng cục theo quy chế làm việc của Tổng cục và các quy định khác có liên quan.

4. Trung tâm Kỹ thuật 1 có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài Tổng cục có liên quan theo quy định trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương III

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 7. Nguồn thu

1. Nguồn do ngân sách nhà nước cấp để thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của Trung tâm.

3. Nguồn tài trợ, viện trợ, quà biếu, tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước

4. Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Các khoản chi

1. Chi hoạt động thường xuyên

2. Chi các hoạt động dịch vụ tư vấn, đào tạo và nghiên cứu theo các hợp đồng đã ký kết.

3. Chi tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm.

4. Chi thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Các khoản chi khác theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm và các quy định khác của pháp luật.

Điều 9. Chế độ quản lý tài chính, tài sản

1. Trung tâm Kỹ thuật 1 được áp dụng cơ chế quản lý tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 có trách nhiệm quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài chính, tài sản của Trung tâm; thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước; trích lập các quỹ và thực hiện chế độ kế toán, tài chính theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ tổ chức thực hiện Điều lệ này.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 1 phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xem xét, quyết định./.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Trần Văn Vinh

Quatest 1

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
****

NĂNG LỰC

BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT ĐỊNH CHỈ ĐỊNH CỦA CÁC BỘ NGÀNH

STT	Quyết định số	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu
Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ định				
1	337/TĐC-HCHQ	7/2/2018	Bộ KHCN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa nganh trong lĩnh vực: - Cơ, không phá hủy (NDT) - Vật liệu xây dựng - Điện - Điện tử (An toàn; Hiệu suất; Tương thích điện từ) - Hóa học (Thành phần hóa học của sản phẩm; Chất; Môi trường) - Sinh học (Vi sinh - GMO; Dược phẩm; An toàn sinh học) **Số đăng ký: 72/TN-TĐC**
2	452/TĐC-HCHQ	25/02/2020	Bộ KHCN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Hóa, Cơ; Điện - Điện tử; Vật liệu xây dựng, Sinh **Số đăng ký: 72/TN-TĐC**
3	4425/TĐC-HCHQ	25/12/2020	Bộ KHCN - TĐC	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Điện - Điện tử, Hóa, Sinh **Số đăng ký: 72/TN-TĐC**
4	1592/QĐ-TĐC	27/9/2018	Bộ KHCN - TĐC	Quyết định chỉ định thử nghiệm, chứng nhận, giám định chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ bao gồm: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành do Bộ KHCN ban hành gồm: • Xăng, nhiên liệu diezen và nhiên liệu sinh học • Mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy • An toàn đồ chơi trẻ em • An toàn thiết bị điện, điện tử • Thép làm cốt bê tông • Khí dầu mỏ hóa lỏng • Tương thích điện từ với thiết bị điện và điện tử gia dụng và các mục đích tương tự
5	437/QĐ-TĐC	19/3/2020	Bộ KHCN -	Quyết định chỉ định thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật liên quan đến

STT	Quyết định số	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu
			TĐC	an toàn, sức khỏe và môi trường đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành và quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa
Bộ Công Thương chỉ định				
1	3986/QĐ-BCT	22/10/2018	Bộ Công Thương	Quyết định chỉ định tổ chức thử nghiệm các sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh theo các quy định tại QCVN 09:2015/ BCT được ban hành kèm theo Thông tư số 36/ 2015/ TT - BCT ngày 28 tháng 10 năm 2015 và Thông tư số 33/ 2016/ TT BCT ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương **Mã số: 02.18.TN-GIẤY**
Văn phòng công nhận chất lượng BoA đánh giá và công nhận				
1	134.2021/QĐ-VPCNCL	11/03/2021	Văn phòng công nhận chất lượng BoA	Quyết định và Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm Quatest1 (PTN Hàng tiêu dùng) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 Lĩnh vực công nhận: Cơ **Mã số: VILAS 028**

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
BUREAU OF ACCREDITATION (BoA)

Member of ILAC/APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN
Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
PHÒNG THỬ NGHIỆM HÀNG TIÊU DÙNG
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Laboratory:

QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER NO.1
CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB
DIRECTORATE FOR STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa điểm PTN/ Lab location:

Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội

đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của

has been assessed and found to conform with the requirements of

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

Field of Accreditation

CƠ

Mechanical

Mã số

Accreditation No

VILAS 028

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

VŨ XUÂN THUỶ

Ngày/ Date of Issue: 11/03/2021 (Annex of decision: 134.2021/QĐ-VPCNCL date 11/03/2021)
Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 06/05/2023
Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 06/05/2011

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VĂN PHÒNG
CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 134 .2021/ QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận phòng thí nghiệm

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Qui chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc qui định tổ chức và hoạt động của Tổ chức công nhận;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 07 năm 2018 về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

PHÒNG THỬ NGHIỆM HÀNG TIÊU DÙNG

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 với danh mục các phép thử nghiệm kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Phòng thí nghiệm được mang số hiệu: **VILAS 028.**

Điều 3: Phòng thí nghiệm được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4 : Quyết định này có hiệu lực đến ngày 06 tháng 05 năm 2023 và Phòng thí nghiệm sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần./.

GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

GIÁM ĐỐC
VŨ XUÂN THỦY

Nơi nhận:
- Cơ sở được đánh giá;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 134.2021/ QĐ - VPCNCL ngày 11 tháng 03 năm 2021 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng 1**

Phòng thử nghiệm Hàng tiêu dùng

Laboratory: ***Quality Assurance and Testing Center 1***

Consumer Products Testing Lab

Cơ quan chủ quản: **Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**

Organization: ***Directorate for Standard, Metrology and Quality***

Lĩnh vực thử nghiệm: **Cơ**

Field of testing: ***Mechanical***

Người quản lý/ *Laboratory manager:* **Phạm Thúy Hằng**

Người có thẩm quyền ký/ A*pproved signatory:*

TT	Họ và tên/ *Name*	Phạm vi được ký/ *Scope*
1.	**Phạm Thúy Hằng**	Các phép thử được công nhận/*Accredited tests*
2.	**Lại Minh Hải**	

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 028**

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* 06/05/2023.

Địa chỉ/ *Address*: **Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**

No. 8, Hoang Quoc Viet street, Cau Giay district, Ha Noi city

Địa điểm/*Location:* **Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**

No. 8, Hoang Quoc Viet street, Cau Giay district, Ha Noi city

Điện thoại/ *Tel*: **024 38361395** Fax: : **024 38361199**

E-mail: **testlab3@quatest1.com.vn** Website: **www.quatest1.com.vn**

Phòng thử nghiệm Hàng tiêu dùng - *Consumer Products Testing Lab*

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử *Materials or products tested*	Tên phương pháp thử cụ thể *The Name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test methods*
1.	**Vật liệu dệt *Textile material***	Phân tích hoá học định lượng hỗn hợp sợi *Quantitative chemical analysis – fibre mixture*	Đến/ *to* 100%	TCVN 5465:2009 (ISO 1833 : 2006) Phần/*Part*:1,2,3,4,5, 6,7,8,9,10,11,12,14, 18
2.		Xác định độ bền mầu giặt xà phòng *Determination of colour fastness to washing*	cấp/*scale (1~5)*	TCVN 7835-C10 :2007 (ISO 105 C10 :2006) Phần/*Part* 1,2,3,4,5
3.		Xác định độ bền mầu ma sát *Determination of colour fastness to rubbing*	cấp/*scale (1~5)*	TCVN 4538:2007 (ISO 105-X12:2001)
4.		Xác định độ bền mầu mồ hôi *Determination of colour fastness to persperation*	cấp/*scale (1~5)*	TCVN 7835 E04:2010 (ISO 105 E04:1994)
5.		Xác định độ bền mầu với nước *Determination of colour fastness to water*	cấp/*scale (1~5)*	TCVN 7835-E01:2011 (ISO 105 E05:2008)
6.		Xác định độ bền mầu với nước biển *Determination of colour fastness to sea water*	cấp/*scale (1~5)*	TCVN 5233:2002 (ISO 105 E02:1994)
7.		Xác định độ bền mầu đối với ánh sáng nhân tạo. Dùng đèn thuỷ ngân cao áp *Determination of colour fastness to artificial light. Mercury high voltaic lamp test*	cấp/*scale (1~5)*	TCVN 5823:1994

Phòng thử nghiệm Hàng tiêu dùng - *Consumer Products Testing Lab*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử *Materials or products tested*	Tên phương pháp thử cụ thể *The Name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test methods*
8.	**Vải dệt thoi** ***Woven fabrics***	Xác định chiều dài và chiều rộng *Determination of length and width*		TCVN 7834:2007 (ISO 22198 : 2006)
9.		Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích *Determination of mass per unit area*	Đến/ *to*200 g	TCVN 8042:2009 (ASTM D 3776-07)
10.		Xác định mật độ sợi *Determination of density*		TCVN 1753:1986
11.		Xác định độ bền kéo đứt và độ giãn đứt. *Determination of breaking load and elongation at break*	Đến/ *to* 30 kN	TCVN 1754:1986 ISO 13934-1: 2013
12.		Xác định độ thay đổi kích thước sau khi giặt *Determination of dimensional change after washing*		TCVN 8041:2009 (ISO 6330:2000) Type A washer
13.		Xác định độ bền xé *Determination of tearing resistance*		ISO 13937-2:2000
14.		Xác định độ không thấm nước *Determination of resistance to water penetration*		ISO 811-2018 ISO1420:2016
15.	**Vải dệt kim** ***Knitting fabrics***	Xác định kích thước *Determination of measurement of linear dimension*		TCVN 5792:1994
16.		Xác định mật độ sợi *Determination of density*		TCVN 5794:1994
17.		Xác định độ bền kéo đứt và độ giãn đứt *Determination of breaking load and elongation at break*	Đến/ *to* 30 kN	TCVN 5795:1994
18.	**Bít tất** ***Hosiery***	Xác định độ nén cổ chun *Determination of ressure on elastic ring*		TCVN 5098:1990
19.		Xác định độ bền mài mòn *Determination of abrasion resistance*	Đến/ *to* 10.000 chu kỳ/*cycle*	TCVN 5100:1990
20.	**Vải không dệt** ***Nonwovens***	Xác định khối lượng trên 1 đơn vị diện tích *Determination of mass per unit area*		ISO 9073/1:1989
21.		Xác định độ bền kéo đứt và độ giãn *Determination of tenile strength and elongation*	F_{max} = 50 kN	ISO 9073/3 :1989 ASTM D 4595-17 TCVN 10041-3: 2013

Phòng thử nghiệm Hàng tiêu dùng - *Consumer Products Testing Lab*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử *Materials or products tested*	Tên phương pháp thử cụ thể *The Name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test methods*
22.	**Khăn bông** ***Cotton towels***	Xác định khối lượng khăn *Determination of mass*		TCVN 4540:1994
23.		Xác định mật độ mũi may *Determination of density of stitch density*		TCVN 4540:1994
24.	**Da** ***Leather***	Xác định độ ẩm *Determination of moisture content*	Đến/ *to* 30%	TCVN 7537:2005
25.		Đo độ dày *Measurement of thickness*	Đến/ *to* 2mm	TCVN 7118:2007 ISO 2589-02
26.		Xác định độ bền kéo đứt và độ dãn dài *Determination of tensile strength and elongation*	F_{max} = 30 N	TCVN 7121:2014 ISO 3376:2011
27.		Xác định độ bền xé *Determination of tearing load*	F_{max} = 30kN	TCVN 7122-1:2007 ISO 3377-1:2007
28.	**Vật liệu giả da** ***Artificial leather, fabric***	Xác định độ bền kéo đứt và độ giãn *Determination of tensile strength and elongation*	F_{max} = 30kN	ISO 1421-2016
29.		Xác định độ bền kéo đứt và độ giãn *Determination of tensile strength and elongation*	F_{max} = 30kN	TCVN 4635-1988
30.		Xác định khối lượng 1 m^2 và độ dày *Determination of mass 1m^2 and thickness*	Đến/ *to* 2mm	TCVN 4636 :1988
31.		Xác định độ bền uốn gấp *Determination of stability of repeated flexing*	Đến/ *to* 99999 chu kỳ/*cycle*	TCVN 4637:1988
32.		Xác định độ bền kết dính *Determination of loading strength between coating and face layer*		TCVN 4638:1988
33.		Xác định độ bền xé rách khi chọc thủng bằng dây thép *Determination of bleak resistance*	F_{max} = 5kN	TCVN 4639:1988

Phòng thử nghiệm Hàng tiêu dùng - *Consumer Products Testing Lab*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử *Materials or products tested*	Tên phương pháp thử cụ thể *The Name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test methods*
34.	**Khăn ướt sử dụng một lần *Disposable wet wipes***	Xác định lượng chất lỏng *Determination of liquid mass*		TCVN 11528 :2016 Điều/ *Clause* 5.4
35.		Xác định pH nước ép *Determination of pH of aqueous compression*		TCVN 11528 :2016 Điều/ *Clause* 5.5
36.		Xác định chất tăng trắng quang học *Determination of fluorescent brightener*		TCVN 11528 :2016 Phụ lục/ *Appendix* B
37.		Xác định tính năng đóng kín *Determination of the ability to seal the package*		TCVN 11528 :2016 Phụ lục/ *Appendix* A
38.		Xác định độ bền kéo đứt *Determination of tensile strength*		TCVN 10041-3:2013 (ISO 9073-3:1989)
39.	**Giấy và các tông *Papers and carton board***	Xác định độ ẩm *Determination of the moisture content*		TCVN 1867:2010
40.		Xác định định lượng *Determination of mass*		TCVN 1270:2017 (ISO 536:1995)
41.		Xác định độ chịu xé. Phương pháp Elmendorf *Determination of the tear resistance. Elmendorf method*		TCVN 3229 :2015
42.		Xác định độ chịu kéo *Determination of tensile strength*	F_{max} = 30kN	TCVN 1862 – 2:2010
43.		Xác định độ chịu gấp *Determination of folding endurance*		TCVN 1866 :2007
44.		Xác định độ chịu bục *Determination of bursting strength*	Đến/ *to* 50 kgf/cm^2	TCVN 7632:2007
45.		Xác định độ dày *Determination of thickness*	Đến/ *to* 2mm	TCVN 3652:2019
46.		Xác định pH nước chiết *Determination of pH of aqueous extracts*		TCVN 7066-1:2008 (ISO 6588-1:2005)
47.		Xác định độ bền màu của giấy (Loại được làm trắng bằng chất tăng trắng huỳnh quang) *Determination of the fastness of fluorescent whitened paper and board*		TCVN 10089:2013 (EN 648:2006)
48.		Xác định độ bền màu của giấy (Loại được nhuộm màu và có các hình in) *Determination of colour fastness of dyed paper and board*		TCVN 10087:2013 (EN 646:2006)

Phòng thử nghiệm Hàng tiêu dùng - *Consumer Products Testing Lab*

TT	**Tên sản phẩm, vật liệu thử** *Materials or products tested*	**Tên phương pháp thử cụ thể** *The Name of specific tests*	**Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo** *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	**Phương pháp thử** *Test methods*
49.	**Giấy tissue và sản phẩm tissue** ***Tissue paper and tissue products***	Xác định thời gian hấp thụ nước và khả năng hấp thụ nước theo phương pháp giỏ ngâm *Determination of water-absorption time and water-absorption capacity, basket-immersion test method*		TCVN 8309-8:2010 (ISO 12625-8:2005)
50.		Xác định độ bền kéo, độ giãn dài khi đứt và năng lượng kéo hấp thụ *Determination of tensile strength, stretch at break and tensile energy absorption*		TCVN 8309-4:2010 (ISO 12625-4:2005)
51.		Xác định độ bền kéo ướt *Determination of wet tensile strength*		TCVN 8309-5:2010 (ISO 12625-5:2005)
52.	**Cao su** ***Rubber***	Xác định độ bền kéo đứt *Determination of tensile strength*	Max 5000 N	TCVN 4509:2013
53.		Xác định độ giãn dài khi đứt *Determination of elongation at break*	Đến/*to* 1000%	TCVN 4509:2013
54.		Xác định độ cứng *Determination of hardness*	Đến/*to* 98 Shore A	TCVN 1595-1 :2013
55.		Phép thử già hóa nhanh và độ chịu nhiệt *Accelerated ageing and heat resistance test*	Max 300 ^{0}C	TCVN 2229:2013
56.		Xác định khối lượng riêng *Determination of density*		TCVN 4866:2013
57.		Xác định độ bền xé rách *Determination of tear strength*	Max 5000N	TCVN 1597:2018 Phần/ *part 1*
58.		Xác định lượng mài mòn Acron *Determination of Acron abrasion*		TCVN 1594: 1987
59.		Xác định độ biến dạng dư trong điều kiện biến dạng không đổi *Determination of compresion set under constant defection*		TCVN 5320:2016 Phần/ *part* 1
60.		Xác định độ trương nở trong chất lỏng *Determination of changes after being in fluid*		TCVN 2752:2017

Phòng thử nghiệm Hàng tiêu dùng - *Consumer Products Testing Lab*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử *Materials or products tested*	Tên phương pháp thử cụ thể *The Name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test methods*
61.	**Vật liệu nhựa *Plastic Material***	Xác định độ bền kéo đứt *Determination of tensile strength*	Max 15.000N	TCVN 4501-2:2014
62.		Xác định độ giãn dài khi đứt *Determination of elongation at break*	Đến/*to* 1000%	TCVN 4501-2:2014
63.		Xác định độ cứng shore D *Determination of Hardness Shore D*	(20 ~ 95) Shore D	TCVN 4502:2008 (ISO 868:2003)
64.		Khối lượng riêng *Determination of density*		ISO 1183:2019 Phần/*Part* 1
65.		Xác định tính chất uốn *Determination of Flexural Srength*		ISO 178:2019
66.		Xác định độ bền va đập Charpy - Loại có khía *Determination of Charpy impact strength - Unnotched type*	Max 25 J	
67.	**Ống nhựa *Plastic pipe***	Xác định độ giãn dài khi đứt *Determination of elongation at break*		TCVN 7434-1,3: 2004 (ISO 6259: 1997)
68.		Độ thay đổi kích thước theo chiều dọc *Determination of skringkage*		DIN 8078: 2008 TCVN 6148: 2007
69.		Xác định kích thước ống *Determination of dimension of pipe*	Max Φ 315mm	DIN 8077: 2008 TCVN 6145: 2007
70.		Xác định độ bền va đập *Determination of Impact test of pipe*	(0,25~7) kg	TCVN 6144:2003 (ISO 3127 : 1994)
71.		Xác định độ bền với áp suất bên trong *Determination of the resistance to internal pressure*	D_{max} = 355 mm	TCVN 6149 :2007
72.	**Sơn *Paint***	Xác định độ bền uốn *Determination of bending*		TCVN 2099:2013 (ISO 1519: 2011)
73.		Xác định hàm lượng chất không bay hơi *Determination of solid content*		TCVN 10519: 2014
74.		Xác định độ nhớt FC 4 ở 25^{0}C *Determination of viscosity FC4 at 25^{0}C*		TCVN 2092:2013 (ISO 2431:1993)
75.		Xác định độ nhớt KU *Determination of viscosity KU viscosity*	(40~141)KU	ASTM D 562-10 (2018)

Phòng thử nghiệm Hàng tiêu dùng - *Consumer Products Testing Lab*

TT	**Tên sản phẩm, vật liệu thử** *Materials or products tested*	**Tên phương pháp thử cụ thể** *The Name of specific tests*	**Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo** *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	**Phương pháp thử** *Test methods*
76.	**Mũ bảo hiểm** ***Helmet***	Xác định khối lượng *Determination of weight*		TCVN 5756 : 2017
77.		Xác định ngoại quan *Determination of appearance*		
78.		Xác định kích thước và phạm vi bảo vệ *Determination of dimention and scope of protection*		
79.		Xác định độ bền va đập và hấp thụ xung động *Determination of resistance of impact and absorbed impulse*		
80.		Xác đinh độ bền quai đeo *Determination of resistance of helmet straps*		
81.		Xác định độ ổn đình *Determination of stability*		
82.		Xác định góc nhìn *Determination of observable angle*		
83.		Xác định độ bền đâm xuyên *Determination of penetration resistance test*		
84.		Xác định hệ số truyền sáng *Determination of light transmissibility coefficient*		
85.		Xác định đặc tính cơ học của kính *Determination of mechanical characteristics*		

Phòng thử nghiệm Hàng tiêu dùng - *Consumer Products Testing Lab*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử *Materials or products tested*	Tên phương pháp thử cụ thể *The Name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test methods*
86.	**Đồ chơi** ***Toys***	Xác định độ an toàn của chất lượng vật liệu *Determination of safety aspects related to material quanlity*		TCVN 6238-1:2017 Điều/ *Clause* 4.3.1
87.		Xác định tính an toàn của cạnh sắc *Determination of safety aspects related to sharp*		TCVN 6238-1:2017 Điều/ *Clause* 5.8
88.		Xác định tính an toàn của chơi gỗ *Determination of safety aspects related to wood toys*		TCVN 6238-1:2017 Điều/ *Clause* 4.7.3
89.		Xác định tính an toàn của đồ chơi - Thử rơi *Determine the safety of the toy - drop test*		TCVN 6238-1:2017 Điều/ *Clause* 5.24.2
90.		Xác định tính an toàn của đồ chơi - Thử kéo *Determination of safety aspects related to tensile test*		TCVN 6238-1:2017 Điều/ *Clause* 5.24.6.4
91.		Xác định tính an toàn của đồ chơi -Thử xoắn *Determination of safety aspects related to torsion test*		TCVN 6238-1:2017 Điều/ *Clause* 5.24.5
92.		Xác định tính an toàn của đồ chơi - Thử nén *Determination of safety aspects related to compression test*		TCVN 6238-1:2017 Điều/ *Clause* 5.24.7
93.		Xác định tính an toàn của đồ chơi - Thử uốn *Determination of safety aspects related to bend test*		TCVN 6238-1:2017 Điều/ *Clause* 5.24.8
94.		Xác định tính an toàn của đồ chơi - Chi tiết nhỏ *Determination of safety aspects related to small parts*		TCVN 6238-1:2017 Điều/ *Clause* 5.2
95.		Xác định tính an toàn của đồ chơi - Vật liệu giãn nở *Determination of safety aspects related to expansion material*		TCVN 6238-1:2017 Điều/ *Clause* 5.21
96.		Xác định tính an toàn của đồ chơi - Độ dày của màng nhựa, tấm nhựa *Determination of safety aspects related to thickness of plastic film, plastic sheet*		TCVN 6238-1:2017 Điều/ *Clause* 5.10 +4.10

Phòng thử nghiệm Hàng tiêu dùng - *Consumer Products Testing Lab*

TT	**Tên sản phẩm, vật liệu thử** *Materials or products tested*	**Tên phương pháp thử cụ thể** *The Name of specific tests*	**Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo** *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	**Phương pháp thử** *Test methods*
97.	**Đồ chơi** ***Toys***	Xác định tính an toàn của đồ chơi - Thử quả bóng nhỏ *Determination of toy safety aspects related to small ball*		TCVN 6238-1:2017 Điều/ *Clause* 5.4
98.		Xác định tính an toàn của đồ chơi - Thử hình dạng và kích thước *Determination of toy safety aspects related to shape and dimention*		TCVN 6238-1:2017 Điều/ *Clause* 5.3
99.		Xác định tính an toàn của đồ chơi - Thử kéo đường nối trong đồ chơi nhồi mềm *Determination of toy safety aspects related to tensile test of soft-stuffed toy*		TCVN 6238-1:2017 Điều/ *Clause* 5.24.6.2
100.		Xác định tính an toàn của đồ chơi liên quan đến tính cháy của quần áo hóa trang và đồ chơi để trẻ mặc khi chơi *Determination of toy safety aspects related dress up clothes flammability*		TCVN 6238-2 :2017
101.		Xác định tính an toàn của đồ chơi liên quan đến tính cháy của đồ chơi nhồi mềm *Determination of toy safety aspects related to soft-stuffed toy flammability*		TCVN 6238-2 :2017

Ghi chú/*Note*:

ASTM: *American Society for Testing and Materials*

DIN: *The German Institute for Standardization*

DANH SÁCH NHÂN SỰ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Học vị
1	Phạm Thúy Hằng	Trưởng phòng	Thạc sĩ kỹ thuật
2	Lại Minh Hải	Thử nghiệm viên	Kỹ sư Công nghệ Vật liệu Polyme và Compozit
3	Lương Thị Thanh Thủy	Thử nghiệm viên	Kỹ sư Công nghệ vật liệu Polyme và Compozit
4	Đặng Thái Mai Oanh	Thử nghiệm viên	Cử nhân hóa
5	Nguyễn Văn Quân	Thử nghiệm viên	Kỹ sư Công nghệ vật liệu Polyme và Compozit
6	Nguyễn Thị Huệ	Thử nghiệm viên	Thạc sĩ công nghệ hóa học

DANH MỤC THIẾT BỊ CHÍNH
PHÒNG THỬ NGHIỆM HÀNG TIÊU DÙNG

STT	Tên thiết bị
1	Cân điện tử
2	Cân phân tích
3	Cân kỹ thuật
4	Tủ sấy
5	Thiết bị đo độ không nhàu của vải
6	Thiết bị đo độ dày của vải
7	Máy thử cờng lực vải H2000
8	Thiết bị guồng sợi MP26
9	Máy xác đinh độ săn
10	Máy thử độ thoáng khí của vải
11	Máy thử độ bền màu ma sát
12	Máy thử độ bền màu giặt của vải
13	Máy thử độ bền mài mòn FF25 cho vải dệt kim
14	Máy thử độ thấm nớc của vải FX 300
15	Máy thử độ giữ nhiệt của vải
16	Máy thử cờng lực sợi đơn FY15D
17	Thiết bị thử độ ổn định MBH
18	Máy thử độ mài mòn vải dệt thoi
19	Máy đo pH Jenway
20	Máy thử độ bền màu ánh sáng(đèn thủy ngân) cao áp
21	Thiết bị thử độ vón gút
22	Thiết bị thử độ co của vải sau khi giặt ớt FOM 71 MP
23	Thiết bị thử độ thấm nớc của vải dới áp suất FX 3000
24	Tủ thuần hóa mẫu
25	Tủ so màu CAC 60
26	Thiết bị thử thấm nớc bằng phun tia
27	Thiết bị đo mật độ sợi M240C
28	Máy cất nớc 08,4003 và phụ kiện
29	Máy đo độ bền va đập hấp thụ xung động CADEX
30	Bơm chân hút chân không
31	Thiết bị thử quai đeo MBH
32	Tủ hút Safelab
33	Dụng cụ thử độ bền màu mồ hôi
34	Bể điều nhiệt

STT	Tên thiết bị
35	Tủ đựng hóa chất
36	Thiết bị đo góc nhìn của MBH
37	Thiết bị đo độ truyền sáng MBH
38	Thiết bị đo độ bền chọc thủng côn rơi
39	Thiết bị thử độ kháng thủng
40	Thiết bị thử độ thấm xuyên
41	Thiết bị thử kích thước hạt bằng sàng khô
42	Thiết bị đo kích thước hạt bằng sàng ướt
43	Thiết bị thử độ ổn định
44	Thiết bị thử độ bền đâm xuyên
45	Thiết bị đo độ dày
46	Máy đo độ gấp
47	Máy đo độ bục của giấy
48	Máy đo độ nhẵn Bendzen
49	Máy đo độ bóng của giấy
50	Máy li tâm
51	Dụng cụ đo độ thấm nớc của giấy
52	Máy đo độ trắng của giấy
53	Máy thử độ bền xé của giấy Elmendorf 2000
54	Máy đo độ dày
55	Máy đo độ thấu khí Gurley
56	Dụng cụ cắt mẫu giấy
57	Máy thử cường lực giấy
58	Máy thử tính chất in
59	Dụng cụ cắt mẫu giấy
60	Quả lô gia công
61	Máy đo độ nén vòng của giấy
62	Máy đo độ cứng cạnh của giấy
63	Loadcell
64	Thiêts bị đô dộ hút nước của giấy
65	Thiết bị thử độ kớn khớt
66	Máy đo độ dày
67	Dụng cụ thử độ bền nén cao su
68	Máy thử độ bền kéo đứt
69	Máy thử cường lực ZMGi 250
70	Dụng cụ đo độ cứng
71	Thiết bị thử độ bật nảy EPGi
72	Bàn ép cao su xốp

STT	Tên thiết bị
73	Máy mài mòn
74	Máy cắt cao su xốp
75	Máy thử độ va đập rơi tự do thẳng đứng
76	Máy mài mẫu (gia công)
77	Máy gia công ống nhựa PVC
78	Tủ lão hóa
79	Máy thử áp lực
80	Máy kéo nén vạn năng Instron
81	Máy thử độ bền va đập vạn năng - Charpy - Izod
82	Máy kéo đứt ZMGi 500
83	Máy cắt mẫu (Dao cắt)
84	Máy cắt F350
85	Máy mài F100, F250
86	Máy thử áp lực Annovi Reverberl
87	Máy mài mòn Acron
88	Máy đo độ cứng ShoreA
89	Máy tạo mẫu va đập Charpy
90	Máy đo tỉ trọng
91	Thước cuộn 5m
92	Máy đo độ cứng kiểu con lắc
93	Máy mài mòn ướt
94	Máy đo độ nhớt Brookfield
95	Máy đo độ bóng
96	Máy đo độ dày
97	Thước đo độ mịn
98	Dụng cụ tráng mẫu sơn
99	Dụng cụ thử độ bay hơi
100	Dụng cụ thử độ cứng
101	Dụng cụ đo độ phủ sơn ớt
102	Dụng cụ thử độ bền uốn màng sơn
103	Dụng cụ tạo mẫu thử nghiệm matít
104	Dụng cụ thử độ bền uốn
105	Súng phun sơn
106	Dụng cụ thử độ bền va đập
107	Máy thử thời gian khô màng sơn
108	Máy thử độ cứng màng sơn
109	Máy nghiền bi
110	Máy thử độ mài mòn ướt

STT	Tên thiết bị
111	Máy đo độ nhớt KU
112	Dụng cụ tạo góc nghiêng
113	Thử momen
114	TL 144 khung thử rơi
115	TL 143 thử cắn
116	TL 141 thử tấm sén
117	TL 138 thử hút
118	Kẹp vạn năng
119	Ađáptơ
120	Giá để dầu phun lửa
121	Đầu phun lửa
122	Thử độ bắt lửa
123	Thử rơi
124	Ngàm lớn, nhỏ
125	Thử rò rỉ
126	Dưỡng kiểu A, B
127	Thử đầu nhọn
128	Phụ kiện thử sắc cạnh
129	Tăng hệ số thử sắc cạnh
130	Thử sắc cạnh
131	Thử độ tiếp cận lớn
132	Thử độ tiếp cận nhỏ
133	Thử chi tiết nhỏ
134	Sức bền mối nối
135	Thử độ bền dẻo của dây
136	Máy thử động năng
137	Thiết bị đo lực hiện số
138	Thiết bị đo vận tốc cháy
139	Thiết bị thử độ bền của đồ chơi kích hoạt bằng miệng
140	Thiết bị thử độ bền nắp hòm đồ chơi
141	Thiết bị thử độ dò rỉ chất lỏng
142	Mặt phẳng nghiêng 10^0, và 15^0
143	Thiết bị tạo vận tốc không đổi
144	Buồng thử áp suất âm
145	Dụng cụ thử hình dạng và kích cỡ đồ chơi
146	Dụng cụ thử dò khả năng tiếp xúc
147	Thiết bị thử cạnh sắc
148	Dụng cụ thử chi tiết có đầu nhọn

STT	Tên thiết bị
149	Dụng cụ thử mômen xoắn
150	Dụng cụ thử độ bền uốn
151	Máy đo độ dày
152	Thiết bị thử độ ổn định của đu có xà ngang
153	Thiết bị thử độ bền động của thanh chắn
154	Thiết bị xác định độ bền va đập của ghế đu
155	Bộ dụng cụ thử chi tiết nhô ra
156	Thiết bị thử độ bền móc treo và phương tiện treo
157	Thiết bị thử cấu trúc lúc lắc được
158	Thiết bị thử sàng khô, ướt
159	Dụng cụ thử vướng mắc bằng nút nhựa
160	Ngàm thử kéo thú nhối bông